

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 08/2021/KDTM-GĐT

Ngày 26/4/2021

Vụ án: “*Tranh chấp yêu cầu  
thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến - Thẩm phán.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Minh Tuấn và ông Lại Văn Trình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở  
hiện tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả  
tiền*”, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Tổng Công ty Xây dựng T (Tổng công ty T); địa chỉ: số A, Phường  
K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Quang Th, chức vụ: Chủ tịch Hội  
đồng Quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quang S, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà T, số A, phường K, quận B, TP Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Công ty cổ phần K.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Kim Ye S, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Chung cư T, số N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN THẤY:**

Theo hợp đồng kinh tế số 31/HĐKT/TĐ-KHKT ngày 19/9/2008 và các phụ  
lục hợp đồng ngày 04/12/2009; ngày 12/8/2010 thì Công ty Cổ phần K thực hiện  
sản xuất cát xay nghiền, đá dăm thành phẩm các loại theo yêu cầu của Tổng Công  
ty Xây dựng T CTCP (sau đây gọi là Tổng Công ty T) để thi công công trình Thủy  
điện S, giá trị hợp đồng tạm tính là 72.000.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng,  
Tổng Công ty T đã thanh toán số tiền 11.885.156.442 đồng, sau đó hai bên tiến  
hành đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2013, xác định Công ty Cổ phần K

còn nợ Tổng Công ty T số tiền là 325.876.838 đồng. Do nhiều lần yêu cầu trả số tiền trên nhưng phía Công ty Cổ phần K không trả nên Tổng Công ty T khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần K trả số tiền còn nợ là 646.285.195 đồng (325.876.838 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả với lãi suất 15%/năm, tính từ ngày 01/11/2013 đến ngày 20/5/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 320.408.357 đồng).

Phía bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn 325.876.838 đồng nhưng do kinh doanh khó khăn nên chưa thanh toán nợ được. Về tiền lãi, phía bị đơn chỉ chấp nhận trả lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo tinh thần tại Công văn số 128/CV/CNMT-TV ngày 13 tháng 7 năm 2019 của phía nguyên đơn về gia hạn trả nợ đến sau ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM - ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam quyết định:

*Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

*Xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Xây dựng T về vụ án “tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng gia công”.*

*1. Công ty Cổ phần K có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Xây dựng T tổng số tiền 646.285.195 đồng, trong đó có 325.876.838 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 đến ngày xét xử là 320.408.357 đồng.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2020, bị đơn là Công ty cổ phần K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án Sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM-PT ngày 31/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

*Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định 2668/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước, xử:*

*1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam;*

*2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần K phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng T CTCP số tiền 526.209.624 đồng, gồm; nợ gốc: 325.867.838 đồng; tiền lãi chậm trả: 200.332.786 đồng.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP có đơn yêu cầu thi hành án, mà Công ty cổ phần K không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Ngoài ra bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 13/10/2020, ông Lê Mậu Dũng là đại diện của Công ty cổ phần K có Đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm; đề nghị xem xét kháng nghị việc tính lãi suất từ ngày 14/7/2019 đối với số tiền gốc 325.876.838 đồng chứ không phải từ ngày 31/10/2013 như bản án phúc thẩm đã tuyên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Viện KSND tỉnh Quảng Nam có văn bản số 74/VKS-P10 đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 09/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy một phần bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM - PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm lại theo hướng xác định thời điểm tính lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 01/8/2019, với nhận định.

*Khoản nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2013 giữa hai công ty là khoản tiền do Tổng công ty T cho Công ty K "ứng trước" đầu kỳ số tiền 681.22.743 đồng + phát sinh thêm 25.108.234 đồng = 706.330.977 đồng. Sau khi trừ đi các loại vật tư, chi phí do Công ty K thực hiện từ tháng 01/8/2011 đến 31/10/2013 là 380.454.139 đồng, số tiền còn lại 325.876.838 đồng.*

*Như vậy, số nợ này không phải là vi phạm hợp đồng như quy định tại Điều 10 của hợp đồng kinh tế số 31/HĐKT/TĐ-KHKT ngày 19/9/2008.*

*Tổng công ty T đã có Công văn 86/CV/CNMT-TV ngày 15/11/2017 đề nghị Công ty K thanh toán dứt điểm số tiền 325.876.838 đồng, yêu cầu chuyển vào tài khoản của Tổng công ty T tại Ngân hàng cổ phần An Bình thành phố Đà Nẵng. Công văn số 128/CV/CNMT-TV ngày 13/7/2019 đề nghị Công ty K thanh toán dứt điểm số tiền 325.876.838 đồng chậm nhất ngày 31/7/2019, và nêu rõ "Sau thời gian trên quý Công ty vẫn chưa thanh toán chúng tôi sẽ tính lãi vay theo mức lãi suất chậm trả của ngân hàng thương mại đồng thời gửi hồ sơ ra Tòa án kinh tế Đà Nẵng nhờ can thiệp".*

*Như vậy, tổng Công ty T đã ấn định thời gian tính lãi cho việc chậm trả là "ngày 01/8/2019" (sau thời gian ngày 31/7/2019). Do đó, bản án phúc thẩm tính (lãi suất 9%/năm theo Quyết định 2668/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước) thành số tiền 200.332.768 đồng là chưa đúng "thỏa thuận" của Công ty T nêu tại Công văn số 128/CV/CNMT-TV ngày 13/7/2019. Đồng thời số tiền nợ không phải do vi phạm bị phạt hợp đồng đã ký kết.*

*Khiếu nại của Công ty K về tính lại số tiền lãi do chậm trả theo thỏa thuận*

*của tổng Công ty T là có cơ sở chấp nhận. Cần tính lại số tiền lãi do chậm trả từ ngày 01/8/2019, chứ không phải từ sau ngày 30/10/2013 như bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã Quyết định. Nếu tính thời điểm năm 2013 thì căn cứ Điều 319 Luật thương mại 2005, thời hiệu khởi kiện đã hết (nguyên đơn khởi kiện ngày 22/10/2019).*

*Điều 319 Luật thương mại 2005 quy định về Thời hiệu khởi kiện.*

*“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này”.*

*Điều 306 về Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán.*

*“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

*Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau:*

*Điều 11 Xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005: “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) Ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

*Vì vậy, Đề nghị Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy một phần bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM - PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo hướng xác định thời điểm tính lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 01/8/2019.*

*- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 09/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy một phần bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân*

tỉnh Quảng Nam để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo hướng xác định thời điểm tính lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 01/8/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về khoản tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Theo hợp đồng kinh tế số 31/HĐKT/TĐ-KHKT ngày 19/9/2008 và các phụ lục hợp đồng do hai bên ký kết ngày 04/12/2009; ngày 12/8/2010 thì Công ty K thực hiện sản xuất cát xay nghiền, đá dăm thành phẩm các loại theo yêu cầu của Tổng Công ty T để thi công công trình Thủy điện S, giá trị hợp đồng tạm tính là 72.000.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán số tiền 11.885.156.442 đồng; ngày 31/12/2013 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, xác định Công ty K còn nợ Tổng Công ty T số tiền là 325.876.838 đồng. Do đó, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm xác định Công ty K còn nợ Tổng Công ty T số tiền nợ gốc là 325.876.838 đồng và áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để xác định mức lãi suất do chậm trả nợ là có căn cứ.

[2] Về thời điểm tính lãi: Tại Điều 10 của hợp đồng kinh tế số 31/HĐKT/TĐ-KHKT ngày 19/9/2008 quy định về thưởng phạt khi vi phạm hợp đồng *“trường hợp một bên vi phạm tiến độ, và chất lượng sản phẩm mà ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng chung thì phải chịu bồi thường mọi tổn thất liên đới do lỗi của mình gây ra”*. Như vậy, theo hợp đồng trên các bên không thỏa thuận về lãi; sau khi đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013, hai bên xác định số nợ gốc là 325.876.838 đồng cũng không đề cập tới lãi suất nếu chậm trả; ngày 15/11/2017 Công ty T đã có Công văn số 86/CV/CNMT-TV *“đề nghị Công ty K thanh toán dứt điểm số tiền 325.876.838 đồng, yêu cầu chuyển vào tài khoản của Tổng Công ty T tại Ngân hàng Cổ phần An Bình thành phố Đà Nẵng”* cũng không yêu cầu Công ty K phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 13/8/2021, Tổng Công ty T mới có Công văn số 128/CV/CNMT-TV *“đề nghị Công ty K thanh toán dứt điểm số tiền 325.876.838 đồng chậm nhất ngày 31/7/2019”* tại Công văn cũng nêu rõ *“Sau thời gian trên quý Công ty vẫn chưa thanh toán chúng tôi sẽ tính lãi vay theo mức lãi suất chậm trả của Ngân hàng thương mại đồng thời gửi hồ sơ ra Tòa án kinh tế Đà Nẵng nhờ can thiệp”*. Căn cứ vào nội dung tại Công văn trên thì Tổng Công ty T đã ấn định thời gian tính lãi cho việc chậm trả là sau ngày 31/7/2019. Vì vậy, Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm xác định thời điểm tính lãi từ ngày 31/12/2013 là không đúng, mà phải xác định thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2019 mới đúng.

[3] Do xác định lại thời gian tính lãi nên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy cần sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, buộc bị đơn là Công ty K phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn là Tổng Công ty T đối với số tiền 325.876.838 đồng, với mức lãi suất 9%/năm (theo Quyết định 2668/QĐ-NHNN

ngày 29 tháng 11 năm 2010); Theo Công văn số 205/CCTHADS ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam cung cấp kết quả thi hành án thì ngày 17/3/2021 Công ty K đã trả cho Tổng Công ty T số tiền nợ gốc là 325.876.838 đồng nên tiền lãi được tính (từ ngày 01/8/2019 đến ngày 17/3/2021) là 47.729.797 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tính lại như sau:

Tổng Công ty Xây dựng T khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần K trả số tiền còn nợ là 646.285.195 đồng. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm sửa bản án dân sự phúc thẩm về phần nợ lãi nên số tiền Công ty K phải trả cho Tổng Công ty T là 373.606.635 đồng (trong đó, nợ gốc là 325.876.838 đồng và nợ lãi 47.729.797 đồng). Do đó, Công ty Xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là:  $646.285.195 - (325.876.838 + 47.729.797) = 272.678.660$  đồng  $\times 5\% = 13.473.221$  đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.589.061 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007175 ngày 22/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q. Hoàn lại cho Tổng Công ty Xây dựng T số tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai trên là 2.115.840 đồng.

Công ty Cổ phần K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền Công ty Xây dựng T khởi kiện được chấp nhận là:  $325.876.838 + 47.729.797 = 373.606.635$  đồng  $\times 5\% = 18.680.331$  đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm nên hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho bên kháng cáo (Công ty cổ phần K).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 5 Điều 343 và Điều 347 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2020/KDTM-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Tổng Công ty Xây dựng T, buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng T số tiền 373.606.635 đồng, trong đó nợ gốc là 325.876.838 đồng và nợ tiền lãi chậm trả là 47.729.797 đồng (số tiền nợ gốc đã thanh toán xong vào ngày 17/3/2021).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Tổng Công ty Xây dựng T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần K không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty Xây dựng T phải chịu: 13.473.221 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.589.061 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007175 ngày 22/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Hoàn lại cho Tổng Công ty Xây dựng T số tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai trên là 2.115.840 đồng.

Công ty Cổ phần K phải chịu 18.680.331 đồng đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty Cổ phần K số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001565 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ;
- Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS huyện Q, tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT -II.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến**